

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26/9/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Quang Vinh;
Bà Hà Thị Liên;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thảo Yến- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST –HNGĐ ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vàng Thị D, Sinh năm: 1997. Địa chỉ: Bản T, xã B, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có lý do)

* Bị đơn: Anh Duẩn Văn M, Sinh năm: 1996. Địa chỉ: Đ: Bản T, xã B, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2025 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vàng Thị D trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị D và anh Duẩn Văn M chung sống như vợ chồng năm 2014, đến ngày 12/12/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, bắt đầu từ đầu năm 2018 chị D và anh M bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm và đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay nhận thấy không thể kéo dài tình trạng hôn nhân được nên chị Vàng Thị D xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị Vàng Thị D và anh Duẩn Văn M có 01 con chung là Duẩn Thị Như Q, sinh ngày 14/11/2015, hiện đang sống với chị D. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị D tôi làm công nhân ở công ty P, thu nhập một tháng 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Vàng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của pháp luật và triệu tập bị đơn nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu gì.

Biên bản ghi lời khai ngày 24 tháng 7 năm 2025 của cháu Duẩn Thị Như Q thể hiện: Cháu Q hiện đang chung sống với mẹ cháu là chị Vàng Thị D, cháu không có tài sản riêng gì. Nay chị D, anh M ly hôn cháu D có nguyện vọng được ở với chị D.

Tại biên bản xác minh giữa Tòa án với Trưởng bản bản Thèn Thầu và chính quyền địa phương xã B xác định: Chị Vàng Thị D và anh Duẩn Văn M đăng ký kết hôn ngày 12/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, bắt đầu từ đầu năm 2018 chị D và anh M bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân. Hiện nay, anh Duẩn Văn M vẫn có mặt tại nơi cư trú nhưng khi Tòa án đến tổng đạt thông báo thụ lý vụ án thì anh M không có nhà, anh M đi đâu làm gì không ai biết nhưng cứ một hai hôm lại thấy anh M quay về nhà. Anh Duẩn Văn M không đăng kí tạm vắng hay chuyển khẩu đi nơi khác. Chị Vàng Thị D và anh Duẩn Văn M có 01 con chung là Duẩn Thị Như Q, sinh ngày 14/11/2015, hiện đang sống với chị D ở Bản B, phường Đ, tỉnh Lai Châu. Mức thu nhập bình quân ở xã B là 47 triệu đồng/người/năm. Về vấn đề con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh giữa Tòa án với Trưởng bản Bản Giang và bà Nguyễn Thị N (mẹ đẻ chị D) xác định: Hiện nay, chị Vàng Thị D và cháu Duẩn Thị Như Q đang sinh sống cùng với bà N tại bản B, phường Đ, tỉnh Lai Châu.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 24 tháng 7 năm 2025 của cháu Duẩn Thị Như Q thể hiện: Cháu Duẩn Thị Như Q là con chung của chị Vàng Thị D và anh Duẩn Văn M, cháu không có tài sản riêng gì. Nay chị D, anh M ly hôn cháu Duẩn Thị Như Q có nguyện vọng được ở với chị D.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Duẩn Văn S là bố đẻ anh Duẩn Văn M thể hiện: Hiện tại anh M vẫn ở nhà nhưng khi Tòa án đến làm việc thì M đi đâu làm gì ông S không biết. Sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án thì ông S đã thông báo cho anh M biết việc Tòa án đã thụ lý vụ án và triệu tập anh M lên làm việc tuy nhiên anh M không muốn hợp tác và không muốn lên Tòa án làm việc. Quá trình chung sống hai vợ chồng anh M có tranh cãi, mâu thuẫn với nhau từ năm

2018 cho đến nay, không qua lại, thăm nom nhau nữa. Gia đình đã hòa giải, khuyên bảo vợ chồng anh M nhưng không thành. Ông S có nói chuyện với anh M về vấn đề ly hôn thì anh M nói không muốn lấy chị D nhưng việc anh M có nhất trí ly hôn hay không thì ông S không biết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị D đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Duẩn Văn M và chị Vàng Thị D. Tại phiên tòa ngày 09/9/2025 anh M vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu quyết định hoãn phiên tòa và mở lại vào ngày 26/9/2025. Tại phiên tòa hôm nay, chị Vàng Thị D vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Duẩn Văn M vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của của Tòa án, gây khó khăn trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân, Điều 4, Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vàng Thị D ly hôn với anh Duẩn Văn M.

Về con chung: Giao cho chị Vàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Duẩn Thị Như Q sinh ngày 14/11/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Duẩn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị ghi nhận và giải thích về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản T, xã B, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, qua xác minh, anh Duẩn Văn M vẫn có mặt tại nơi cư trú nhưng khi Tòa án đến tổng đạt thông báo thụ lý vụ án thì anh M không có nhà nên không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh M. Tại thời điểm tổng đạt các văn bản tố tụng anh Duẩn Văn M vẫn có hộ khẩu thường trú tại bản T, xã B, tỉnh Lai Châu, anh M và gia đình đã được thông báo về việc Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn. Căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1-Lai Châu tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Duẩn Văn M và chị Vàng Thị D. Tại phiên tòa ngày 09/9/2025 anh M vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lai Châu quyết định hoãn phiên tòa và mở lại vào ngày 26/9/2025. Tại phiên tòa hôm nay, chị Vàng Thị D vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Duẩn Văn M vắng mặt không có lý do vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh M có đăng ký kết hôn tại UBND xã B trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị D, sau khi kết hôn chị D và anh M chung sống với nhau hạnh phúc, đến đầu năm 2018 xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ đó đến nay. Tại biên bản xác minh với trưởng bản bản Thèn Thầu, chính quyền địa phương xã B, ông S (bố đẻ của anh M) thể hiện: Giữa chị D và anh M có xảy ra mâu thuẫn, anh M và chị D đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Bản thân anh M đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý và giải quyết việc ly hôn nhưng anh M không muốn lên Tòa án để làm việc. Hiện nay anh M vẫn có mặt tại nơi cư trú. Quá trình giải quyết vụ án, chị D có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh M là có cơ sở, HĐXX cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[2.2] Việc nuôi con: Chị Vàng Thị D và anh Duẩn Văn M có 01 con chung là Duẩn Thị Như Q, sinh ngày 14/11/2015, hiện đang sống với chị D. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện nuôi con, Tòa án xác minh thu nhập bình quân của lao động tại địa phương là 47 triệu đồng/người/năm, bên cạnh đó hiện chị D khai có thu nhập 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/tháng, chị D xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh cho thu nhập của mình, do vậy chị D có thu nhập để thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Từ khi ly thân, chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Qua xác minh, anh Duẩn Văn M không có mặt tại nơi cư trú thường xuyên nên không có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định cháu Duẩn Thị Như Q đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của các cháu là muốn sống cùng với mẹ là chị Vàng Thị D. Nhận thấy việc chị Vàng Thị D yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn là có

căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình và để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung một cách tốt nhất cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vàng Thị D, giao cháu Duẩn Thị Như Q, sinh ngày 14/11/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Lai Châu về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết; Điều 4, Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vàng Thị D
2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Vàng Thị D được ly hôn với bị đơn anh Duẩn Văn M.

3. Việc nuôi con: Giao cho chị Vàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung Duẩn Thị Như Q, sinh ngày 14/11/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Duẩn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Duẩn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn Vàng Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, chị D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0001386 ngày 16/7/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Lai Châu, nay số tiền đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lai Châu;
- UBND xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên HĐXX

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

